

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a-CTQ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Doanh thu hoạt động kinh doanh**

Doanh thu hoạt động kinh doanh bao gồm doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, danh mục đầu tư chứng khoán, các khoản doanh thu này được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở hợp đồng ký kết và giá trị thực tế thực hiện. Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, danh mục đầu tư chứng khoán được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

*Hoạt động tự doanh chứng khoán*

Lãi/lỗ từ hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận là doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính. Đối với chứng khoán đã niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán, doanh thu hoặc chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận dựa trên cơ sở Thông báo khớp lệnh từ Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Đối với chứng khoán chưa niêm yết, doanh thu hoặc chi phí tự doanh chứng khoán được ghi nhận khi hoàn thành việc chuyển giao quyền sở hữu cho người mua.

*Doanh thu từ hoạt động đầu tư*

Doanh thu từ hoạt động đầu tư là lãi thu được từ cổ phiếu và trái phiếu. Lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức phát hành. Lãi đầu tư trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

**Đầu tư chứng khoán của người ủy thác đầu tư**

Công ty nhận tài sản từ người ủy thác đầu tư và thay mặt người ủy thác đầu tư để thực hiện các giao dịch kinh doanh chứng khoán theo các quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư giữa Công ty với người đầu tư. Công ty không thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư vì theo quy định của hợp đồng ủy thác đầu tư, người ủy thác đầu tư chịu mọi rủi ro đối với các khoản lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư mà nguyên nhân không phải do Công ty vi phạm các điều khoản quy định trong hợp đồng. Công ty không ghi nhận các khoản mục liên quan đến hoạt động nhận ủy thác đầu tư trên Bảng cân đối kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a-CTQ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>30/6/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt tại quỹ	673.868.989	160.356.333
Tiền gửi ngân hàng	9.421.983.811	1.493.613.461
Các khoản tương đương tiền (*)	9.000.000.000	12.000.000.000
	<b>19.095.852.800</b>	<b>13.653.969.794</b>

(\*) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 là số dư các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a-CTQ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<b>30/6/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chứng khoán vốn niêm yết	16.105.068.764	7.172.032.216
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	28.890.871.070	30.322.691.070
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 1 năm	23.000.000.000	22.000.000.000
	<b>67.995.939.834</b>	<b>59.494.723.286</b>
<b>Các khoản dự phòng</b>	<b>(2.488.823.703)</b>	<b>(2.091.740.223)</b>
Chứng khoán niêm yết	(1.148.398.619)	(1.226.817.591)
Chứng khoán chưa niêm yết	(1.340.425.084)	(864.922.632)
<b>Đầu tư ngắn hạn ròng</b>	<b>65.507.116.131</b>	<b>57.402.983.063</b>

**Chi tiết dự phòng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DẦU KHÍ**

Tầng 9, Tòa nhà Hapro, 11B Cát Linh, Đống Đa  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU SỐ B09a-CTQ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

Chi tiết dự phòng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Công ty nhận đầu tư	Mã	Giá trị theo sổ sách kế toán		Giá trị thị trường	
		30/6/2015		30/6/2015	
		Giá trị (VND)	Giá trị (VND)	Giá trị (VND)	Giá trị (VND)
<b>Chứng khoán vốn niêm yết</b>		<b>16.105.068.764</b>	<b>7.172.032.216</b>	<b>15.561.527.600</b>	<b>5.971.755.600</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	MBB	178.402.153	867.874.625	200.467.600	894.415.600
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí	DPM	-	810.213.500	-	616.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai	DLG	-	290.706.836	-	257.400.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	PVS	1.655.138.579	1.702.590.060	1.377.280.000	1.229.330.000
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Dầu khí Sông Đà	SDP	2.502.798.744	3.500.647.195	1.741.500.000	2.974.610.000
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	DCM	8.887.578.000	-	9.470.370.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu Khí	PVD	538.306.244	-	525.000.000	-
Công ty Cổ phần Kết Cấu Kim Loại và Lắp Máy Dầu Khí	PXS	356.325.350	-	342.000.000	-
Tổng Công ty Dung Dịch Khoan & Hóa Phẩm Dầu Khí	PVC	1.091.819.654	-	1.084.000.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	PVG	894.700.040	-	820.910.000	-
<b>Chứng khoán vốn chưa niêm yết (*)</b>		<b>28.890.871.070</b>	<b>30.322.691.070</b>	<b>28.180.445.978</b>	<b>29.457.768.440</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình	ABB	1.782.052.632	1.782.052.632	917.129.978	917.130.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	PVCOMBANK	10.798.818.438	30.638.438	10.798.316.000	30.638.440
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	PVOil HN	5.000.000.000	5.000.000.000	4.750.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Mỹ	PVOil PM	2.310.000.000	2.310.000.000	2.940.000.000	2.310.000.000
Công ty Cổ phần Phú Sơn (**)	PhuSonJSC	9.000.000.000	9.000.000.000	8.775.000.000	9.000.000.000
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	PVCFC	-	12.200.000.000	-	12.200.000.000
		<b>44.995.939.834</b>	<b>37.494.723.286</b>	<b>43.741.973.578</b>	<b>35.429.524.040</b>

(\*) Việc trích lập dự phòng giảm giá các chứng khoán vốn chưa niêm yết được dựa trên các báo giá được thu thập từ 03 Công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND. Ban Giám đốc đã thận trọng đánh giá và tin tưởng rằng mức giá từ các báo giá thu thập được phản ánh giá trị thị trường của các cổ phiếu này.

(\*\*)Thẻ hiện số tiền đầu tư vào 450.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phú Sơn nhằm mục đích thu lợi nhuận trong ngắn hạn. Ban Giám đốc Công ty đã thận trọng đánh giá khả năng thanh lý khoản đầu tư này trong vòng 12 tháng tới và tin tưởng rằng việc phân loại, trình bày khoản đầu tư này là phù hợp.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a-CTQ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ**

	<b>30/6/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	130.862.515	133.898.716
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	5.110.690.146	19.143.883.869
	<b>5.241.552.661</b>	<b>19.277.782.585</b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>30/6/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu lãi tiền gửi	122.427.778	517.430.555
Phải thu lãi trái phiếu	1.139.666.665	355.333.333
Phải thu lãi Hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	279.500.000	279.500.000
Đặt cọc	5.000.000	5.000.000
Các khoản phải thu khác	108.304.706	73.544.413
	<b>1.654.899.149</b>	<b>1.230.808.301</b>

(\*) Phải thu lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh thể hiện số phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh với Hợp tác xã Công nghiệp Chiến Thắng ngày 27 tháng 01 năm 2014 (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 10 - Đầu tư tài chính dài hạn).

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2015	456.648.182	784.638.286	1.241.286.468
Tại ngày 30/6/2015	<b>456.648.182</b>	<b>784.638.286</b>	<b>1.241.286.468</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2015	412.348.512	521.404.793	933.753.305
Khấu hao trong kỳ	10.551.749	39.231.912	49.783.661
Tại ngày 30/6/2015	<b>422.900.261</b>	<b>560.636.705</b>	<b>983.536.966</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 30/6/2015	<b>33.747.921</b>	<b>224.001.581</b>	<b>257.749.502</b>
Tại ngày 01/01/2015	<b>44.299.670</b>	<b>263.233.493</b>	<b>307.533.163</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a-CTQ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

	<b>Phần mềm ứng dụng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2015	55.000.000
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	<b>55.000.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 01/01/2015	29.791.671
Khấu hao trong kỳ	13.750.002
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	<b>43.541.673</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	<b>11.458.327</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>	<b>25.208.329</b>

**10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>31/12/2014 VND</b>
Đầu tư vào trái phiếu (*)	15.450.000.000	15.450.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn khác (**)	18.900.000.000	18.900.000.000
	<b>34.350.000.000</b>	<b>34.350.000.000</b>

(\*) Thể hiện giá trị đầu tư vào 15.000.000.000 VND mệnh giá trái phiếu do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam phát hành tại ngày 10 tháng 10 năm 2006. Trái phiếu có thời hạn 10 năm với mức lãi suất là 9,8%/năm áp dụng trong 5 năm đầu tiên. Lãi suất áp dụng trong 5 năm cuối cùng có thể thay đổi theo chính sách của tổ chức phát hành nhưng không thấp hơn 10,4%/năm. Lãi suất được thanh toán vào ngày 10 tháng 10 hàng năm.

(\*\*) Đầu tư tài chính dài hạn khác bao gồm:

- Khoản góp vốn thành lập Quỹ thành viên tập trung Cổ phần hóa Việt Nam với số vốn đã góp tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 6 tỷ VND (tương đương 10%). Quỹ được thành lập từ ngày 25 tháng 10 năm 2011 và có thời gian hoạt động là 5 năm kể từ ngày thành lập;
- Khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Hợp tác xã Công nghiệp Chiến Thắng ngày 27 tháng 01 năm 2014 với số tiền là 12,9 tỷ VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2015; tương đương với tỷ lệ 50% vào dự án xây dựng công trình số 12 Đỗ Ngọc Du, Hà Nội (“Dự án”). Do tính chất đặc thù của Hợp đồng hợp tác đầu tư này nên Ban Giám đốc đã thận trọng đánh giá và tin tưởng rằng việc phân loại và trình bày khoản đầu tư này vào Đầu tư tài chính dài hạn là phù hợp với bản chất của Hợp đồng hợp tác đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a-CTQ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>30/6/2015</u> <u>VND</u>	<u>31/12/2014</u> <u>VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	455.837.649	1.002.273.428
Thuế thu nhập cá nhân	110.592.932	91.364.043
	<u>566.430.581</u>	<u>1.093.637.471</u>

**12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>30/6/2015</u> <u>VND</u>	<u>31/12/2014</u> <u>VND</u>
Chi phí thuê văn phòng	1.068.480.000	534.240.000
Các chi phí khác	382.000	194.758.979
	<u>1.068.862.000</u>	<u>728.998.979</u>

**13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/6/2015</u> <u>VND</u>	<u>31/12/2014</u> <u>VND</u>
Cổ tức phải trả	14.230.000.000	9.230.000.000
Phải trả về hợp đồng mua chứng khoán	17.770.695	55.256.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.400.532.472	336.218.165
	<u>16.648.303.167</u>	<u>64.822.218.165</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DẦU KHÍ**  
Tầng 9, Tòa nhà Hapro, 11B Cát Linh, Đống Đa  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B09a-CTQ**

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>569.494.248</b>	<b>569.494.248</b>	-	<b>13.075.536.968</b>	<b>114.214.525.464</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	9.680.235.757	9.680.235.757
Trích quỹ dự phòng tài chính	-	429.554.238	-	-	(429.554.238)	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	429.554.238	-	(429.554.238)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.159.108.477)	(1.159.108.477)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>999.048.486</b>	<b>999.048.486</b>	-	<b>15.737.555.772</b>	<b>117.735.652.744</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	1.837.366.670	1.837.366.670
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.904.070.727)	(2.904.070.727)
Trích quỹ khác	-	-	-	484.011.788	(484.011.788)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>999.048.486</b>	<b>999.048.486</b>	<b>484.011.788</b>	<b>9.186.839.927</b>	<b>111.668.948.687</b>

Tại ngày 10 tháng 4 năm 2015, theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã công bố chia cổ tức từ nguồn kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 của Công ty với số tiền là 5.000.000.000 VND (năm 2013 là 5.000.000.000 VND). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty chưa thanh toán số cổ tức năm 2014 cho các cổ đông.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 23/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a-CTQ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Thông tin về cổ phiếu phổ thông:**

- Số cổ phiếu được phép lưu hành: 1.000.000 cổ phiếu
- Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đủ: 1.000.000 cổ phiếu
- Mệnh giá của cổ phiếu: 100.000 VND/cổ phiếu
- Số cổ phiếu của Công ty đang lưu hành: 1.000.000 cổ phiếu

**15. DOANH THU**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	789.556.078	809.179.605
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	12.412.397.671	14.316.590.610
	<b>13.201.953.749</b>	<b>15.125.770.215</b>

**16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
Chi phí hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	-	72.285.065
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư	4.806.446.453	4.748.844.330
	<b>4.806.446.453</b>	<b>4.821.129.395</b>

**17. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	102.960.000	336.418.978
Chi phí nhân công	4.821.655.050	3.547.472.632
Chi phí khấu hao tài sản cố định	63.533.663	68.656.914
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.257.776.380	4.712.962.106
Chi phí khác bằng tiền	3.117.110.669	2.900.471.250
	<b>13.363.035.762</b>	<b>11.565.981.880</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a-CTQ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
Lãi tiền gửi	1.863.945.320	2.468.803.720
Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	838.500.000	698.750.000
Lãi đầu tư tài chính	1.213.866.656	180.281.882
Cổ tức, lợi nhuận được chia	39.000.000	259.316.027
	<b>3.955.311.976</b>	<b>3.607.151.629</b>

(\*) Thể hiện lợi nhuận trong kỳ từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Hợp tác xã Công nghiệp Chiến Thắng ngày 27 tháng 01 năm 2014 vào dự án xây dựng công trình số 12 Đỗ Ngọc Du, Hà Nội (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7 - Các khoản phải thu khác và Thuyết minh số 10 - Đầu tư tài chính dài hạn).

**19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.003.942.162	1.576.514.811
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	397.083.480	(74.876.064)
Chi phí tài chính khác	-	14.700.000
	<b>1.401.025.642</b>	<b>1.516.338.747</b>

**20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>2.393.204.320</b>	<b>5.650.601.217</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	39.000.000	259.316.027
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	172.330.455	197.387.495
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>2.526.534.775</b>	<b>5.588.672.685</b>
Lỗi lũy kế mang sang	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế sau khi cộng lỗ thuế</b>	<b>2.526.534.775</b>	<b>5.588.672.685</b>
Thuế suất	22%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>555.837.650</b>	<b>1.229.507.991</b>
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>555.837.650</b>	<b>1.229.507.991</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B09a-CTQ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ VÀ DANH MỤC ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN TRONG KỲ**

**Hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán**

**Danh mục đầu tư chứng khoán Công ty đang thực hiện quản lý:**

- 1) Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đang thực hiện một số Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam) - bên liên quan của Công ty với tổng số vốn đầu tư theo cam kết là 16.750 tỷ VND, số vốn thực tế đang quản lý tương ứng là 7.677 tỷ VND.
- 2) Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đang thực hiện một số Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - bên liên quan của Công ty với tổng số vốn thực tế đang quản lý tương ứng là 12 tỷ VND.
- 3) Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đang thực hiện một số Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư cho Ngân hàng TMCP Đông Nam Á với tổng số vốn thực tế đang quản lý tương ứng là 38.5 tỷ VND.
- 4) Theo Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư số 301/2011/PVFC Capital-PVN ký ngày 09 tháng 5 năm 2011 với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN"), PVN đồng ý ủy thác cho Công ty thực hiện quản lý danh mục đầu tư với tổng vốn đầu tư là 175 tỷ VND. Đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, tổng số vốn thực tế của hợp đồng này hiện Công ty đang thực hiện quản lý là 175 tỷ VND.

**Hoạt động quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán**

**Tổng số Quỹ đầu tư chứng khoán Công ty đang thực hiện quản lý: 01**

- 1) Theo hợp đồng quản lý quỹ đầu tư với Quỹ thành viên tập trung Cổ phần hóa Việt Nam (VEFF), Công ty được ủy quyền thực hiện các hoạt động đầu tư tại Việt Nam theo các mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư được quy định trong hợp đồng này.

Giá trị tài sản ròng của quỹ đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015: 78.382.720.833 VND

**22. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	<u>Từ ngày 01/01/2015</u> <u>đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014</u> <u>đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	1.068.480.000	1.009.120.000
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:		
	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.136.960.000	2.136.960.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.127.840.000	2.136.960.000
	<u>3.264.800.000</u>	<u>4.273.920.000</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có cam kết thuê hoạt động không hủy ngang phát sinh từ hợp đồng thuê văn phòng tại Tầng 9, 11B Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội. Thời hạn thuê là từ ngày 10 tháng 01 năm 2014 đến ngày 10 tháng 01 năm 2017.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a-CTQ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

**Danh sách bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam)	Cổ đông
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Bên liên quan của cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	Bên liên quan của cổ đông
Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Bên liên quan của cổ đông
Quỹ thành viên tập trung Cổ phần hóa Việt Nam (VEFF)	Quỹ thành viên

**Nghiệp vụ với các bên liên quan:**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
Chi phí thuê văn phòng	1.068.480.000	1.068.480.000
Doanh thu quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	12.412.397.671	13.778.301.721
Doanh thu quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	789.556.078	809.179.605
Thu nhập từ lãi tiền gửi	1.863.945.320	1.511.229.652

Trong kỳ, Công ty cũng phát sinh các giao dịch nhận ủy thác quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán với các bên liên quan. Thông tin chi tiết trình bày tại **Thuyết minh số 21 - Báo cáo về hoạt động quản lý quỹ và danh mục đầu tư chứng khoán trong kỳ.**

**Số dư với các bên liên quan:**

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền gửi tại tổ chức tín dụng	33.160.765.649	29.021.296.735
Phải thu về phí quản lý danh mục đầu tư	5.110.690.146	19.143.883.869
Phải thu về lãi tiền gửi	122.427.778	513.638.888
Phải thu về phí quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	130.862.515	133.898.716
Phải trả về chi phí thuê văn phòng	1.068.480.000	534.240.000
Phải trả về hợp đồng mua chứng khoán	17.770.695	55.256.000.000
Cổ tức phải trả	14.230.000.000	9.230.000.000
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	389.422.800	389.422.800

**Thu nhập của Ban Giám đốc:**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	724.972.234	570.494.844



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a-CTQ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	(không bao gồm dự phòng)		30/6/2015	31/12/2014
	30/6/2015	31/12/2014	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.095.852.800	13.653.969.794	19.095.852.800	13.653.969.794
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	67.995.939.834	59.494.723.286	66.741.973.578	57.429.524.040
Các khoản phải thu	7.945.928.765	20.819.469.273	(*)	(*)
Đầu tư dài hạn khác	34.350.000.000	34.350.000.000	(*)	(*)
	<b>129.387.721.399</b>	<b>128.318.162.353</b>		
<b>Công nợ tài chính</b>				
Chi phí phải trả	1.068.862.000	728.998.979	(*)	(*)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16.400.012.216	64.569.718.207	(*)	(*)
	<b>17.468.874.216</b>	<b>65.298.717.186</b>		

(\*) Ngoại trừ tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính này tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B09a-CTQ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu nhiều rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và có chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Trong kỳ, Công ty không thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ. Vì vậy, Công ty không chịu rủi ro tỷ giá.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất đối với Công ty bắt nguồn từ những thay đổi tiềm tàng trong giá trị của các tài sản và công nợ tài chính do biến động lãi suất thị trường. Ban Giám đốc định kỳ rà soát rủi ro tiềm tàng của Công ty trong bối cảnh kinh tế và điều kiện kinh doanh hiện hành, tập trung vào rủi ro lãi suất và rủi ro thị trường. Công ty chưa thực hiện đánh giá độ nhạy rủi ro lãi suất do chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu đầu vào đáng tin cậy.

***Quản lý rủi ro về giá công cụ vốn***

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ cho mục đích kinh doanh. Biến động giá thị trường ảnh hưởng đến giá trị hợp lý của danh mục đầu tư của Công ty cũng như lãi lỗ từ hoạt động đầu tư. Để phòng ngừa rủi ro về giá (giảm giá chứng khoán đầu tư), Công ty đã đa dạng hóa danh mục đầu tư, xây dựng hạn mức đầu tư. Ngoài ra, việc cơ cấu các khoản đầu tư cũng giúp cho Công ty phòng ngừa được rủi ro về giảm giá các khoản đầu tư trong điều kiện thị trường khó khăn như hiện nay. Công ty chưa thực hiện đánh giá độ nhạy rủi ro giá thị trường của cổ phiếu do chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu đầu vào đáng tin cậy.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thành khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CGTY  
PHÂN  
LÝ C  
TÀI C  
QUY KI  
ĐA - T  
7-6  
TY  
H  
TE  
M  
Y



24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>30/6/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.095.852.800	-	19.095.852.800
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	67.995.939.834	-	67.995.939.834
Các khoản phải thu	7.556.505.965	389.422.800	7.945.928.765
Đầu tư dài hạn khác	-	34.350.000.000	34.350.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>94.648.298.599</b>	<b>34.739.422.800</b>	<b>129.387.721.399</b>
<b>30/6/2015</b>			
Chi phí phải trả	1.068.862.000	-	1.068.862.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16.400.012.216	-	16.400.012.216
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.468.874.216</b>	<b>-</b>	<b>17.468.874.216</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>77.179.424.383</b>	<b>34.739.422.800</b>	<b>111.918.847.183</b>
<b>31/12/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.653.969.794	-	13.653.969.794
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	59.494.723.286	-	59.494.723.286
Các khoản phải thu	20.430.046.473	389.422.800	20.819.469.273
Đầu tư dài hạn khác	-	34.350.000.000	34.350.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>93.578.739.553</b>	<b>34.739.422.800</b>	<b>128.318.162.353</b>
<b>31/12/2014</b>			
Chi phí phải trả	728.998.979	-	728.998.979
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	64.569.718.207	-	64.569.718.207
<b>Tổng cộng</b>	<b>65.298.717.186</b>	<b>-</b>	<b>65.298.717.186</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>28.280.022.367</b>	<b>34.739.422.800</b>	<b>63.019.445.167</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Tại ngày phát hành báo cáo này, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải trình bày trên báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B09a-CTQ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán và các thuyết minh có liên quan là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh có liên quan là số liệu của báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được soát xét.



**Trần Thị Thủy**  
**Giám đốc**

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

**Đỗ Thị Kim Cúc**  
**Trưởng phòng Tài chính Kế toán**

**Phạm Thị Thanh Vân**  
**Người lập**

\*\*\*\*\*

